

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/DS-ST
Ngày: 26/7/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lại;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 771/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan C trình bày:

Bà và bà H không có quan hệ bà con ruột thịt. Bà và bà H chỉ có mối quan hệ quen biết trong làm ăn. Bà xác định bà H mà bà kiện còn có tên gọi khác là Bảy H1

tên đầy đủ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp T, xã T, C, Tây Ninh. Trong đơn khởi kiện bà khai bà H, sinh năm 1967 là sai, nay bà đính chính lại, bà H sinh năm 1963.

Vào ngày 12/9/2019 âm lịch, nhằm ngày 10/10/2019 dương lịch bà H có hỏi vay bà số tiền 83.300.000 (tám mươi ba triệu ba trăm nghìn) đồng, mục đích bà H vay tiền là để làm vốn kinh doanh quán cà phê. Hai bên thỏa thuận trả theo hình thức trả góp, góp mỗi tháng 5.000.000 trong thời hạn 22 tháng đến ngày 12/7/2021 là hết. Ngoài lần vay tiền này bà H không vay thêm của bà khoản tiền nào khác. Khi bà cho bà H vay tiền thì bà có lập giấy hót hui nội dung bà có đăng hui cho bà H đây hui 5 triệu đồng gồm 23 phần, khai ngày 12/9/2019, bà H hót lần thứ nhất được số tiền 83.300.000 đồng”. Chữ viết nội dung hót hui này là do bà viết. Bà H ký tên 7 Hường ghi rõ họ tên Nguyễn Thị H vào phía dưới nội dung hót hui. Nội dung “góp ngày 150.000 đồng, mỗi tháng bù thêm 500.000 đồng góp bắt đầu 13/9/2019” là bà ghi thêm. Nội dung ghi là giấy đăng hui nhưng thực tế là bà không tổ chức hui, không làm chủ hui, bà H không tham gia góp hui. Khoản tiền bà viết giấy đăng hui cho bà H là khoản tiền vay, hình thức là trả góp hàng tháng, hay còn hui góp. Bà và bà H thỏa thuận bà H trả gốc và lãi hàng tháng bằng hình thức trả góp mỗi ngày 150.000 đồng, mỗi tháng được 4.500.000 đồng, bà H bù thêm 500.000 đồng cho đủ 5.000.000 đồng; trong đó tiền gốc trả mỗi tháng là 3.786.000 đồng, tiền lãi là 1.213.636 đồng, tương đương lãi suất là 1,45%/tháng/số tiền vay. Bà H phải góp trong thời hạn là 22 tháng x 5.000.000 đồng/1 tháng = 110.000.000 đồng (gốc, lãi). Lãi suất này không giảm theo số tiền gốc đã trả. Từ ngày bà H vay tiền 12/9/2019 âm lịch, nhằm ngày 10/10/2019 dương lịch cho đến nay bà H đã trả góp được 28.500.000 đồng trong đó tiền gốc là 21.580.000 đồng, tiền lãi là 6.920.000 đồng. Số tiền bà H còn phải góp cho bà là 81.500.000 đồng trong đó có 61.720.000 đồng tiền gốc và 19.780.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 12/4/2020 (âm lịch) đến nay bà H ngưng không trả tiền gốc, lãi cho bà. Nay bà đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà đã nhận của bà H là 6.920.000 đồng vào số tiền vay gốc, tổng cộng được số tiền gốc bà H đã trả là 28.500.000 đồng. Số tiền vay gốc còn lại là 54.800.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền 81.500.000 đồng và lãi suất. Nay bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà đối với bà H đối với số tiền vay gốc 26.700.000 đồng; Bà giữ nguyên khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà số tiền vay gốc 54.800.000 đồng và lãi suất chậm trả là 10%/năm/số tiền vay gốc tính từ ngày 12/4/2020 (âm lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà C là Giấy vay tiền đề ngày 12/9/2019 âm lịch (bản photo và bản chính);

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Nguyễn Thị H khai:

Trước đây bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị Lan C nhiều lần, vay với hình thức trả góp vay 1.000.000 đồng thì góp thành 1.200.000 đồng. Bà đã trả đủ tiền cho bà C và hiện nay không còn thiếu nợ của bà C khoản tiền nào khác. Bà và bà C đã kết thúc giao dịch vay mượn cách đây khoảng hơn 10 năm. Bà không đồng ý trả cho bà C số tiền 81.500.000 đồng. Vào năm 2019 bà có ký tên vào giấy nợ mục đích để vay tiền trả góp của bà C. Bà không tham gia họp hội do bà C làm chủ hội và bà C cũng không tổ chức hội. Bà thừa nhận có ký và ghi họ tên vào giấy hội do bà C cung cấp có trong hồ sơ. Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thị H là của bà toàn bộ nội dung do bà C viết. Mục đích vay tiền là để lấy tiền chi tiêu sinh hoạt và làm vốn buôn bán cá phê.

Tại phiên tòa, bà C, bà H vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay gốc là 54.800.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền vay gốc 26.700.000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: bà Nguyễn Thị Lan C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay gốc 54.800.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật; đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu

Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C, bà H.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà H trả cho bà số tiền 54.800.000 đồng và lãi suất 10%/năm/số tiền vay gốc tính từ ngày 12/4/2020 (âm lịch) (nhằm ngày 04/5/2020 dương lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm thấy rằng:

[3.1] Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền vay gốc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Xét giấy mượn tiền đề 12/9/2019 âm lịch, nhằm ngày 10/10/2019 dương lịch có chữ ký bà Nguyễn Thị H do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: bà H hót hụi 5.000.000 đồng gồm 23 phần, khai ngày 12/9/2019 âm lịch mãi ngày 12/7/2021 âm lịch, hót lần 1 kê 1000, 22 phần x 3900 = 85.800.000 đồng trừ còn 2500.000 đồng còn 83.300.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà C và bà H đều thừa nhận giữa bà C và bà H không có giao dịch hụi. Bà H thừa nhận có giao dịch vay tiền của bà Chi b hình thức trả góp, tuy nhiên đã trả hết tất cả các khoản tiền. Hiện nay không còn vay mượn của bà C khoản tiền nào khác. Bà H thừa nhận chữ ký 7 Hường và ghi tên Nguyễn Thị H trong giấy nợ ngày 12/9/2019 là của bà. Lời trình bày của bà C về khoản vay 83.300.000 đồng ngày 12/9/2019 là phù hợp với lời thừa nhận của bà H và tài liệu chứng cứ do bà C cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy thực tế có việc thoả thuận vay mượn tiền giữa bà C và bà H đối với số tiền 83.300.000 đồng ngày 12/9/2019. Bà H cho rằng đã trả hết các khoản nợ cho bà C nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà H. Quá trình giải quyết vụ án bà C thừa nhận bà H đã trả được số tiền 28.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 21.580.000 đồng, tiền lãi là 6.920.000 đồng) đồng ý khấu trừ vào số tiền gốc cho bà H. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền vay gốc còn lại là 54.800.000 đồng.

Bà C đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H về số tiền vay gốc 26.700.000 đồng. Việc rút đơn khởi kiện của bà C là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền vay gốc 26.700.000 đồng.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Trong giấy hót hụi đề ngày 12/9/2019 âm lịch các bên không thoả thuận về lãi suất và mức lãi suất tuy nhiên viết giấy nợ dưới hình thức hót hụi, trả góp phù hợp với lời khai của bà H, bà C về hình thức vay trả góp. Bà C trình bày hai bên thảo thuận khi cho vay hai bên có thoả thuận lãi suất, mỗi tháng bà H phải trả cho bà C số

tiền 5.000.000 đồng (trong đó gốc là 3.786.000 đồng, tiền lãi là 1.213.636 đồng) tương đương lãi suất là 1,45%/tháng/số tiền vay. Mức lãi này không giảm theo từng tháng. Quá trình giải quyết vụ án bà C chỉ yêu cầu bà H trả lãi suất là 10 %/tháng/số tiền vay gốc còn lại tính từ ngày bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 12/4/2020 âm lịch (nhằm ngày 04/5/2020 dương lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Như vậy lãi suất mà bà C được hưởng trên số tiền vay gốc 54.800.000 đồng tính từ ngày 12/4/2020 (âm lịch) (nhằm ngày 04/5/2020 dương lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 26/7/2024 là:

Mỗi tháng bà C được nhận số tiền lãi là 456.667 đồng

456.667 đồng x 50 tháng 22 ngày = 23.168.231 đồng.

Tổng cộng gốc lãi mà bà H phải trả cho bà C là: 77.968.231 đồng (trong đó có 54.800.000 đồng tiền vay gốc và 23.168.231 đồng tiền lãi).

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C đối với bà Nguyễn Thị H về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 77.968.231 (bảy mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm ba mươi một) đồng (trong đó có 54.800.000 đồng tiền vay gốc và 23.168.231 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền vay gốc 26.700.000 (hai mươi sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lan C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.038.000 (hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008604 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.898.411 đồng (ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm mười một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà C, bà H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân